

Số: /QĐ-UBND

Vĩnh Long, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt dự án Xây dựng mới cầu Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, Thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 1112/QĐ-UBND ngày 11 tháng 4 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Xây dựng mới cầu Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 224/TTr-SXD ngày 26 tháng 9 năm 2025 (kèm Thông báo kết quả thẩm định số 1915/SXD-QLĐT ngày 25 tháng 9 năm 2025 về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi dự án Xây dựng mới cầu Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm).

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Xây dựng mới cầu Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm với các nội dung chủ yếu như sau:

- Tên dự án: Xây dựng mới cầu Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm.
- Mã số dự án: 8157005.
- Địa điểm xây dựng: Xã Lương Phú, tỉnh Vĩnh Long.
- Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Vĩnh Long.
- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh Vĩnh Long.
- Tổ chức tư vấn khảo sát xây dựng, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng: Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng Bến Tre.
- Nhóm dự án, loại, cấp, thời hạn sử dụng theo thiết kế của của công trình chính thuộc dự án:

- Loại, nhóm dự án: Công trình giao thông đường bộ, nhóm C;
- Loại, cấp công trình chính: Công trình giao thông, cấp III (theo Thông tư số 06/2021/TT-BXD);
- Thời hạn sử dụng theo thiết kế của công trình chính: Đường láng nhựa khoảng 08 năm; Cầu BTCT khoảng 100 năm.

8. Mục tiêu đầu tư xây dựng công trình: Nhằm đảm bảo an toàn giao thông, thuận tiện cho đi lại của người dân, học sinh trong khu vực; cải thiện và nâng cao đời sống người dân trong khu vực; Phù hợp với đồ án quy hoạch xây dựng vùng; kết nối mạng lưới giao thông của các tuyến ĐT.883 – ĐT.885 – QL.57C, hình thành trục giao thông Bắc Nam của huyện Giồng Trôm; góp phần phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Giồng Trôm nói riêng và tỉnh Bến Tre nói chung.

9. Quy mô đầu tư xây dựng:

9.1. Quy mô: Tuyến đường dài khoảng 1.281,3m, được thiết kế theo tiêu chuẩn đường cấp IV đồng bằng; vận tốc thiết kế 60km/h; tải trọng trục thiết kế 10 tấn; mặt đường rộng 9m, nền đường rộng 12m; độ dốc ngang mặt đường 3%, lề đường 4%, mái taluy 1/1,5. Trên tuyến xây dựng mới 01 cầu BTCT tải trọng HL93 và các cống thoát nước ngang đường. Phân báo hiệu an toàn giao thông theo qui định.

9.2. Giải pháp kỹ thuật chính của công trình:

a. Phần đường:

- Phần đường: Đào bỏ đất không thích hợp; đào đất trong phạm vi mặt đường để lấy đất đắp lề; trải vải địa kỹ thuật loại không dệt $R \geq 12\text{KN/m}$; Đắp cát hoàn trả phần đào đất không thích hợp và đào đất mặt đường để đắp lề) độ chặt $K \geq 0,90$; Đóng cừ tràm gia cố mái taluy tại các ao mương, cừ tràm gốc $\varnothing(8-10)\text{cm}$, ngọn $\varnothing > 3,5\text{cm}$, $L=4\text{m}$; đắp cát sông nền đường đến cao trình thiết kế độ chặt $K \geq 0,95$, riêng 50cm trên cùng lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,98$, $E_0 \geq 40\text{Mpa}$; trải vải địa kỹ thuật loại không dệt $R \geq 25\text{KN/m}$; cán CPĐD loại 1, $D_{\max}=37,5\text{mm}$ dày 15cm, độ chặt $K \geq 0,98$, $E_1 \geq 72,80\text{Mpa}$; cán CPĐD loại 1, $D_{\max}=37,5\text{mm}$ dày 15cm, độ chặt $K \geq 0,98$, $E_2 \geq 105,10\text{Mpa}$; cán đá 4x6 chèn đá dăm dày 15cm, $E_{\text{ch}} \geq 132,80\text{Mpa}$; láng nhựa 2 lớp tiêu chuẩn 3Kg/m^2 ; đắp đất dính tấn lề đường rộng 1,5m mỗi bên, $K \geq 0,90$; mái taluy 1/1,5.

- Phần đường vào cầu:

+ Đoạn từ sau tường đỉnh mố đến 20m: Đào bỏ đất không thích hợp; đào đất đến chân taluy để thay bằng cát $K \geq 0,90$; trước khi thay cát gia cố nền đường bằng cừ tràm $D_{\text{gốc}} \geq (8-10)\text{cm}$, $D_{\text{ngọn}} \geq 3,5\text{cm}$, dài 4,8m, tiêu chuẩn 16cây/ m^2 và trải vải địa kỹ thuật loại không dệt $R \geq 12\text{KN/m}$ ngăn cách đất và cát; trải vải địa kỹ thuật gia cường $R \geq 150\text{KN/m}$ (trải 2 lớp) bên trên; đắp cát sông nền đường đến cao trình thiết kế độ chặt $K \geq 0,95$, riêng 50cm trên cùng lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,98$, $E_0 \geq 40\text{Mpa}$; trải vải địa kỹ thuật loại không dệt $R \geq 25\text{KN/m}$; cán CPĐD loại 1, $D_{\max}=37,5\text{mm}$ dày 15cm, độ chặt $K \geq 0,98$, $E_1 \geq 72,80\text{Mpa}$; cán CPĐD loại 1, $D_{\max}=37,5\text{mm}$ dày 15cm, độ chặt $K \geq 0,98$, $E_2 \geq 105,10\text{Mpa}$; cán đá 4x6 chèn đá dăm dày 15cm, $E_{\text{ch}} \geq 132,80\text{Mpa}$; láng nhựa 2 lớp tiêu chuẩn 3Kg/m^2 ; đắp đất dính tấn lề đường $K \geq 0,90$; mái taluy 1/1,5;

+ Đoạn từ 20m sau mố đến hết phạm vi gia cố taluy: Đào bỏ đất không thích hợp; đào đất trong phạm vi mặt đường để lấy đất đắp lề; trải vải địa kỹ thuật loại không dệt $R \geq 12\text{KN/m}$; Đắp cát hoàn trả phần đào đất không thích hợp và đào đất mặt đường để đắp lề) độ chặt $K \geq 0,90$; trải vải địa kỹ thuật gia cường $R \geq 150\text{KN/m}$ (trải 2 lớp) bên trên lớp cát $K \geq 0,90$; đóng cừ tràm gia cố mái taluy tại các ao, mương cừ tràm $D_{\text{gốc}} \geq (8-10)\text{cm}$, $D_{\text{ngọn}} \geq 3,5\text{cm}$, dài 4m; đắp cát sông nền đường đến cao trình thiết kế độ chặt $K \geq 0,95$, riêng 50cm trên cùng lu lèn đạt độ chặt $K \geq 0,98$, $E_0 \geq 40\text{Mpa}$; trải vải địa kỹ thuật loại không dệt

$R \geq 25 \text{KN/m}$; cán CPĐD loại 1, $D_{\max} = 37,5 \text{mm}$ dày 15cm, độ chặt $K \geq 0,98$, $E_1 \geq 72,80 \text{Mpa}$; cán CPĐD loại 1, $D_{\max} = 37,5 \text{mm}$ dày 15cm, độ chặt $K \geq 0,98$, $E_2 \geq 105,10 \text{Mpa}$; cán đá 4x6 chèn đá dăm dày 15cm, $E_{\text{ch}} \geq 132,80 \text{Mpa}$; láng nhựa 2 lớp tiêu chuẩn 3Kg/m^2 ; đắp đất dính tần lè đường $K \geq 0,90$; mái taluy 1/1,5; đổ bê tông chân khay; lát mái taluy bằng tấm bê tông; lấp đặt tường hộ lan.

- Phần công thoát nước ngang đường:

+ Xây dựng 01 cống hộp khẩu độ (1,6x1,6)m tại Km0+056 dài 21,6m. Kết cấu: Thân cống gồm các đốt cống BTCT đúc sẵn trong nhà máy, dài 1,2m/đốt, tải trọng H30, lắp ghép với nhau bằng joint cao su; nền móng gia cố cừ tràm $D_{\text{gốc}} \geq (8-10) \text{cm}$, $D_{\text{ngon}} \geq 3,5 \text{cm}$, dài 4m, tiêu chuẩn 25cây/m²; cát đệm đầu cừ; bê tông lót móng đá 1x2 B12,5 (M150); móng cống đá 1x2 B20 (M250); tường đầu, tường cánh, bản đáy cống bằng BTCT đá 1x2 B20 (M250); sân cống bằng BTXM đá 1x2 B15 (M200); lấp đặt khe phai; đắp đất dính thân cống;

+ Xây dựng các cống tròn D1000 tại: Km0+451, Km0+607, Km0+756, Km0+919. Kết cấu: Thân cống D1000 bằng BTCT sản xuất tại nhà máy, mỗi đốt dài từ 2-3m, tải trọng H30, lắp ghép với nhau bằng joint cao su; nền móng gia cố cừ tràm $D_{\text{gốc}} \geq (8-10) \text{cm}$, $D_{\text{ngon}} \geq 3,5 \text{cm}$, dài 4m, tiêu chuẩn 25cây/m²; cát đệm đầu cừ; bê tông lót móng đá 1x2 B12,5 (M150); bê tông móng đá 1x2 B20 (M250); tường đầu, tường cánh, bản đáy cống bằng BTCT đá 1x2 B20 (M250); sân cống bằng BTXM đá 1x2 B15 (M200); lấp đặt khe phai; đắp đất dính thân cống.

- Phần đường tẻ: Đắp cát sông nền đường đến cao trình thiết kế độ chặt $K \geq 0,95$, $E_0 \geq 40 \text{Mpa}$; cán CPĐD loại 1, $D_{\max} = 25 \text{mm}$ dày 10cm, độ chặt $K \geq 0,98$; trải vải nhựa mặt đường; đổ bê tông mặt đường đá 1x2 B15 (M200) dày 14cm; đắp đất dính tần lè độ chặt $K \geq 0,90$, mái taluy 1/1,5.

b. Phần cầu: Xây dựng cầu BTCT dài 251,3m, tải trọng thiết kế HL93, khổ cầu rộng lọt lòng 9m, rộng phủ bì 10m; tĩnh không, khoảng thông thuyền ngang: $(H \times B) = (6,0 \times 30) \text{m}$.

- Phần thượng tầng: Cầu gồm 7 nhịp, sơ độ nhịp: 33mx2+38,2mx3+33mx2; nhịp 1,2,6,7 bố trí 6 dầm BTCT DƯỠI I dài 33m; nhịp 3,4,5 bố trí 4 dầm Super T dài 38,2m; bản mặt cầu bằng BTCT đá 1x2 B27,5 (M.350) dày 18cm; lớp bảo vệ mặt cầu bằng BTNN C12,5 dày 5cm; gờ cầu bằng BTCT đá 1x2 B27,5 (M.350); lan can bằng thép hình mạ kẽm; khe co giãn sử dụng dạng răng lược và liên tục nhiệt.

- Phần hạ tầng:

+ Mố cầu: Bằng BTCT đá 1x2 B27.5 (M350), hệ cọc gồm 18 cọc BTCT DƯỠI D600, chiều dài dự kiến 36m;

+ Trụ cầu: Trụ T1 và T6: Bằng BTCT đá 1x2 B27,5 (M350), hệ cọc gồm 21 cọc BTCT DƯỠI D600, chiều dài dự kiến 36m; Trụ T2 và T5: Bằng BTCT đá 1x2 B27,5 (M350), hệ cọc gồm 06 cọc khoan nhồi đá 1x2 B27.5 (M350), đường kính cọc D1200, chiều dài dự kiến 41m; Trụ T3 và T4: Bằng BTCT đá 1x2 B27,5 (M350), hệ cọc gồm 08 cọc khoan nhồi đá 1x2 B27,5 (M350), đường kính cọc D1200, chiều dài dự kiến 41m.

c. Phần hệ thống chiếu sáng: Xây dựng hệ thống chiếu sáng trên cầu và đường vào cầu; Đèn cảnh cảnh báo giao thông ở đầu tuyến và cuối tuyến.

d. Phần An toàn giao thông: Vuốt nổi các đường tẻ, cấm cọc tiêu, biển báo, sơn tìm đường, sơn gờ giảm tốc... theo Quy chuẩn Quốc gia QCVN 41:2024/BGTVT.

10. Bản vẽ thiết kế cơ sở được đóng dấu thẩm định: Dính kèm.

11. Số bước thiết kế, danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

11.1. Số bước thiết kế: 02.

11.2. Danh mục tiêu chuẩn chủ yếu được lựa chọn:

- TCVN 4054:2005 - Đường ô tô - yêu cầu thiết kế;

- TCVN 11823:2017 - Tiêu chuẩn quốc gia về thiết kế cầu đường bộ;
- TCVN 4447:2012 - Công tác đất - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9436:2012 - Nền đường ô tô - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9844:2013 - Yêu cầu thiết kế, thi công và nghiệm thu vải địa kỹ thuật trong xây dựng nền đắp trên đất yếu;
- TCVN 5574:2018 - Kết cấu bê tông và BTCT - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 8859:2023 - Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu đường ô tô - Vật liệu, thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9504:2012 - Mặt đường đá dăm nước - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8863:2011 - Mặt đường láng nhựa nóng - Tiêu chuẩn thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9113:2012 - Ống bê tông cốt thép thoát nước;
- TCVN 9115:2019 - Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép - Quy phạm thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9116:2012 - Công hộp bê tông cốt thép;
- TCVN 4453:1995 - Quy trình thi công và nghiệm thu kết cấu bê tông và bê tông toàn khối;
- 22TCN 266-2000 - Quy trình thi công và nghiệm thu cầu cống;
- TCVN 10304:2025 - Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế;
- TCVN 9395:2012 - Cọc khoan nhồi - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 9394:2012 - Đóng và ép cọc - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8791:2011 - Sơn tín hiệu giao thông, vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo;
- TCCS 31:2020/TCĐBVN: Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát;
- TCCS 38:2022/TCĐBVN: Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;
- TCCS 41:2022/TCĐBVN: Tiêu chuẩn khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu;
- TCCS 39:2022/TCĐBVN “Thiết kế mặt đường BTXM thông thường có khe nổi trong xây dựng công trình giao thông”;
- TCCS 40:2022/TCĐBVN thi công và nghiệm thu mặt đường BTXM trong xây dựng công trình giao thông;
- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa QCVN:39/2020/BGTVT;
- Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ QCVN 41:2024/BGTVT;
- Cùng các tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan.

12. Tổng mức đầu tư xây dựng: **175.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Một trăm bảy mươi lăm tỷ đồng). Trong đó:

- | | |
|--|----------------------|
| - Chi phí bồi thường, hỗ trợ và tái định cư: | 49.378.913.210 đồng; |
| - Chi phí xây dựng: | 94.440.206.071 đồng; |
| - Chi phí quản lý dự án: | 1.646.693.775 đồng; |
| - Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: | 5.489.487.446 đồng; |
| - Chi phí khác: | 3.414.120.911 đồng; |
| - Chi phí dự phòng: | 20.630.578.587 đồng. |

13. Tiến độ và thời gian thực hiện dự án: Năm 2025-2027.

14. Nguồn vốn đầu tư và dự kiến bố trí kế hoạch vốn theo tiến độ thực hiện dự án: Ngân sách nhà nước trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và chuyển tiếp sang kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.

15. Hình thức tổ chức quản lý dự án được áp dụng: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

16. Yêu cầu về nguồn lực, khai thác sử dụng tài nguyên (nếu có); phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư (nếu có):

- Diện tích sử dụng đất: Khoảng 30.000 m²;

- Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư: Thực hiện theo các quy định hiện hành.

17. Các nội dung khác: không.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh Vĩnh Long có trách nhiệm phối hợp các đơn vị liên quan khẩn trương triển khai thực hiện các công việc tiếp theo đúng quy định hiện hành của nhà nước về đầu tư xây dựng và chịu trách nhiệm toàn diện về tính chính xác, tính pháp lý của hồ sơ trình phê duyệt.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài Chính, Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực XIX; Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Lương Phú; Giám đốc Ban Quản lý dự án giao thông tỉnh Vĩnh Long và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP.UBND tỉnh;
- Phòng: TH, KTTH, KTN;
- Lưu: VT, H.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Trúc Sơn